**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ AN NHƠN**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 24.4.2018
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
2. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

***- Thư ký phiên Tòa***: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa***: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017,về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST.DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 và các quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1972 (có mặt)
Trú tại: 173/24 đường N, khu vực T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định
* *Bị đơn*: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)
Trú tại: 99/9 đường N, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*
1. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Trú tại: 99/9 đường N, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.
2. Anh Đặng Ngọc A, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Trú tại: 173/24 đường N, khu vực T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày*: Vợ chồng chị và vợ chồng chị H không có mối quan hệ họ hàng, chị và chị H chỉ là hàng xóm với nhau. Chị bắt đầu chơi hụi với chị H cách đây

khoảng hơn 02 năm. Tiền hụi có khi chị nộp trực tiếp cho chị H, có khi chồng và hai con chị H đến thu, chị H nhận tiền không viết giấy tờ, có ghi vào sổ theo dõi hay không thì chị không rõ. Chị chơi các chân hụi do chị H làm chủ, cụ thể:

- 01 chân hụi mở ngày 20.10.2015AL, kết thúc ngày 20.12.2017AL, có 27 người chơi, đóng 2.000.000đ/tháng, trừ tiền lãi nên thực tế chị đóng là 1.700.000đ/tháng. Chị đã đóng cho chị H 20 tháng tiền hụi sống với số tiền là 34.000.000đ.

- 01 chân hụi mở ngày 09.10.2016AL, kết thúc ngày 09.3.2018AL, có 17 người chơi, đóng 2.000.000đ/tháng, trừ tiền lãi nên thực tế chị đóng là 1.750.000đ/tháng. Chị đã đóng cho chị H 08 tháng tiền hụi sống với số tiền là 14.000.000đ.

Tổng 02 chân hụi sống chị đóng tiền cho chị H là 48.000.000đ, đây là số tiền thực tế chị đã đóng cho chị H, không tính tiền lãi; đến tháng 6/2017 chị H vỡ hụi nên chưa trả chị số tiền trên.

Trước đó chị còn tham gia chơi 01 chân hụi mở ngày 25.02.2016AL, chân hụi này có 60 người chơi, đóng 200.000đ/chân hụi. Chị đã hốt hụi còn nợ lại 15 tháng chưa nộp tiền, do đó chân hụi này chị còn nợ chị H là 3.000.000đ trừ vào số nợ của 2 chân hụi sống nên chị H còn nợ chị số tiền hụi là 45.000.000đ (= 48.000.000đ – 3.000.000đ). Nay chị yêu cầu vợ chồng chị H, anh H phải hoàn trả số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) cho vợ chồng chị, không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

**** Theo bản tự khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:*** Thống nhất mối quan hệ như chị T trình bày, chị có nghề may nhưng sau khi sinh con thì chị nghỉ, chỉ nhận hàng về vắt sổ. Đến năm 2008 chị bắt đầu cầm cái huê hụi, anh H chồng chị trước có nghề chạy xe tải nhưng từ năm 2014 đến trước tháng 10/2017 thì anh H ở nhà không chạy xe và cũng không có việc làm. Thu nhập chủ yếu của gia đình dựa vào thu nhập chị cầm cái huê hụi. Chị T bắt đầu chơi hụi với chị từ năm 2015, chị T chơi các chân hụi, cụ thể:

- Chân hụi thứ nhất mở ngày 20.10.2015AL, kết thúc ngày 20.12.2017AL, chị không nhớ có bao nhiêu người chơi, đóng 2.000.000đ/tháng, định kỳ đóng tiền vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, chị T được hưởng lãi là 300.000đ nên mỗi tháng chị T chỉ đóng 1.700.000đ. Chị T đã đóng được 20 tháng tiền hụi sống với số tiền thực tế đóng là 34.000.000đ.

- Chân hụi thứ hai mở ngày 09.10.2016AL, kết thúc ngày 09.3.2018AL, chị không nhớ có bao nhiêu người chơi, đóng 2.000.000đ/tháng, định kỳ đóng tiền vào ngày 14 âm lịch hàng tháng, chân hụi này chị T được hưởng lãi là 250.000đ nên mỗi tháng chị T chỉ đóng 1.750.000đ. Chị T đã đóng được 08 tháng tiền hụi sống với số tiền thực tế đóng là 14.000.000đ.

Tổng cộng chị T đã đóng tiền hụi sống của 02 chân hụi trên là 48.000.000đ, vào tháng 6/2017 chị bị vỡ hụi nên chị T chưa hốt hụi. Trước đó chị T còn tham gia chơi 01 chân hụi mở ngày 25.02.2016 âm lịch, chị T đã hốt hụi nên hàng tháng phải nộp hụi chết cho chị mỗi tháng là 200.000đ, chị T đã nộp và còn nợ lại chị số tiền hụi chết là 3.000.000đ cấn trừ vào số tiền 48.000.000đ nên chị còn nợ chị T số tiền hụi là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Chị yêu cầu một mình chị chịu trách nhiệm trả

nợ cho chị T, vì chồng chị sống không hề có trách nhiệm. Số tiền 45.000.000đ chị xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả từ 200.000đ - 300.000đ cho đến khi hết nợ.

** Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công H trình bày*: Anh là chồng của chị Huỳnh Thị H, trước đây anh làm nghề lái xe, chạy theo chuyến thu nhập từ vài trăm đến một triệu mỗi chuyến. Tuy nhiên hai năm nay anh đau bệnh nên ở nhà không chạy xe. Chị H cầm cái hụi để kiếm thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống của gia đình. Có vài lần anh thay vợ đi thu tiền hụi nhưng thu tiền của ai thì anh không nhớ, việc chị T chơi hụi với chị H thế nào anh không rõ. Anh nghe vợ nói vỡ hụi nhưng nợ ai bao nhiêu tiền thì anh không biết. Việc vợ anh nợ tiền của bà T thì vợ anh tự trả chứ anh không cùng trả.

** Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Ngọc A trình bày*: Anh là chồng của chị Trần Thị Lệ T, anh biết vợ chơi hụi với chị H nhưng chơi lúc nào và bao nhiêu chân thì anh không rõ, nhiều lần thấy vợ chồng chị H cùng con đến thu tiền hụi. Sau khi chị H vỡ nợ thì anh nghe vợ nói đã đóng số tiền hụi là 45.000.000đ, số tiền này chị H chưa trả. Nay anh yêu cầu vợ chồng chị H, anh H cùng có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền 45.000.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lệ T, buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị H anh Nguyễn Công H phải trả chị T số tiền 45.000.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

**[1.1]** Chị Trần Thị Lệ T khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với chị Huỳnh Thị H có địa chỉ 99/9 đường N, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

**[1.2]** Anh Đặng Ngọc A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A, anh H.

**[2.]** Về nội dung:

**[2.1]** Huê, hụi là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hụi và quyền, nghĩa vụ của các thành viên được quy định tại Khoản 1 Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015.

**[2.2]** Giữa chị Trần Thị Lệ T và chị Huỳnh Thị H tự nguyện thỏa thuận chơi hụi cùng với nhiều người do chị Huỳnh Thị H làm chủ hụi. Theo đó các bên thỏa thuận chủ hụi có trách nhiệm lập sổ sách theo dõi và chịu trách nhiệm thu tiền đóng hụi của các thành viên góp hụi. Việc lĩnh hụi được tổ chức theo hình thức ai trả lãi cao thì người đó thắng và chủ hụi chịu trách nhiệm chung tiền cho thành viên lĩnh hụi. Khi thành viên nào hốt hụi thì phải trả cho chủ hụi một khoản tiền hoa hồng theo tỷ lệ một phần hụi đóng 2.000.000đ, chủ hụi hưởng hoa hồng 400.000đ. Như vậy, việc thỏa thuận này giữa chị T, chị H và những người chơi hụi trên theo hình thức là hụi hưởng hoa hồng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường.

**[2.3]** Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, chị T, chị H cùng xác định chị T tham gia chơi 02 chân hụi, chân hụi mở ngày 20.10.2015AL chị T đã đóng tiền hụi thực tế cho chị H 20 tháng mỗi tháng đóng 1.700.000đ thành tiền 34.000.000đ. Chân hụi mở ngày 09.10.2016AL, chị T đóng 08 tháng, mỗi tháng 1.750.000đ với số tiền là 14.000.000đ. Tổng cộng 2 chân hụi chị H đã nhận tiền là 48.000.000đ trừ số tiền 3.000.000đ nên chị H còn nợ chị T số tiền là 45.000.000đ đến nay chưa trả. Lời trình bày của chị T được chị H thừa nhận nên đây được coi là sự thật, không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc chị T khởi kiện yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 45.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.4]** Vợ chồng chị H, anh H cùng xác định nguồn thu nhập của gia đình chủ yếu dựa vào thu nhập từ việc chị H cầm cái huê hụi, anh H cũng có tham gia vào việc đi thu tiền hụi. Từ đó có cơ sở xác định việc chị H cầm cái hụi tạo thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo Khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình. Do đó cần buộc anh H phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với chị H về khoản nợ của chị T.

**[2.5]** Chị H yêu cầu trả dần mỗi tháng từ 200.000đ đến 300.000đ nhưng không được chị T đồng ý và cũng không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vợ chồng chị H, anh H phải chịu án phí 2.250.000đ (45.000.000đ x 5%), chị Trần Thị Lệ T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

**[4]** Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên*,

# QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 24, 29 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

**1**/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lệ T.

Buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Công H có trách nhiệm trả vợ chồng chị Trần Thị Lệ T, anh Đặng Ngọc A số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

**2**/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng chị Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Công H phải chịu 2.250.000đ. Hoàn trả cho chị Trần Thị Lệ T số tiền tạm ứng án phí là 1.125.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008515 ngày 26.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

**3**/ Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

3.1 Kể từ khi người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
*- TAND tỉnh Bình Định*
*- VKSND TX. An Nhơn*

**Trần Thị Mỹ Lệ**

*- Chi cục THA TX. An Nhơn*
*- Các đương sự*
*- Lưu hồ sơ*
*- Lưu án văn*